

# DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

**Ngày thi: 16/08/2026**

**Phòng thi số: 01 (P202)**

**Ca thi: 13h30-15h30**

| STT | SBD | SỐ CCCD      | HỌ VÀ TÊN       |       | NGÀY SINH  | GT  | MÃ ĐỀ | KÝ NỢP |
|-----|-----|--------------|-----------------|-------|------------|-----|-------|--------|
| 1.  | 01  | 052304006743 | Hà Đình Kiều    | Anh   | 04/11/2004 | Nữ  |       |        |
| 2.  | 02  | 031175017994 | Lê Thị Vân      | Anh   | 20/08/1975 | Nữ  |       |        |
| 3.  | 03  | 031206015720 | Lưu Hoàng       | Anh   | 31/08/2006 | Nam |       |        |
| 4.  | 04  | 031206011304 | Nguyễn Lê Hoàng | Anh   | 21/08/2006 | Nam |       |        |
| 5.  | 05  | 022306001944 | Nguyễn Thị Vân  | Anh   | 13/06/2006 | Nữ  |       |        |
| 6.  | 06  | 031306000711 | Nguyễn Thùy     | Anh   | 14/05/2006 | Nữ  |       |        |
| 7.  | 07  | 030306003991 | Phạm Diệp       | Anh   | 15/11/2006 | Nữ  |       |        |
| 8.  | 08  | 031203011315 | Đỗ Đức          | Bảo   | 27/02/2003 | Nam |       |        |
| 9.  | 09  | 022206001976 | Phạm Quốc       | Bình  | 05/07/2006 | Nam |       |        |
| 10. | 10  | 031305003963 | Ngô Thị Minh    | Châu  | 24/12/2005 | Nữ  |       |        |
| 11. | 11  | 031306012367 | Nguyễn Kim      | Chi   | 07/01/2006 | Nữ  |       |        |
| 12. | 12  | 031099006676 | Vũ Đức          | Chung | 15/03/1999 | Nam |       |        |
| 13. | 13  | 031204001646 | Nguyễn Xuân     | Cương | 25/11/2004 | Nam |       |        |
| 14. | 14  | 031303006232 | Nguyễn Quỳnh    | Diệp  | 07/01/2003 | Nữ  |       |        |
| 15. | 15  | 040205017113 | Ngô Sỹ          | Định  | 20/04/2005 | Nam |       |        |
| 16. | 16  | 031198013810 | Vũ Thị Hồng     | Đoan  | 20/06/1998 | Nữ  |       |        |
| 17. | 17  | 022097004946 | Vũ Việt         | Đức   | 02/03/1997 | Nam |       |        |
| 18. | 18  | 031208011996 | Đoàn Vũ         | Dũng  | 07/07/2006 | Nam |       |        |
| 19. | 19  | 031306002316 | Nguyễn Khánh    | Dương | 12/10/2006 | Nữ  |       |        |
| 20. | 20  | 031091016348 | Phạm Xuân       | Dương | 30/05/1991 | Nam |       |        |
| 21. | 21  | 031201005998 | Trần Thành      | Dương | 24/11/2001 | Nam |       |        |
| 22. | 22  | 031201006462 | Trần Đức        | Duy   | 04/01/2001 | Nam |       |        |
| 23. | 23  | 031203003783 | Hoàng Trường    | Giang | 14/11/2003 | Nam |       |        |
| 24. | 24  | 031205014134 | Phạm Đức Hoàng  | Giang | 14/09/2005 | Nam |       |        |
| 25. | 25  | 031300003634 | Phạm Thanh      | Giang | 10/02/2000 | Nữ  |       |        |
| 26. | 26  | 031091002852 | Phan Đức        | Hải   | 17/02/1991 | Nam |       |        |

Danh sách gồm: 26 thí sinh

Số dự thi: .....

Các số báo danh vắng mặt: .....

.....

Hải phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2026

*Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất:*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai:*

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ ba:

**TS. Nguyễn Trung Đức**

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHỨNG CHỈ  
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày thi: 16/08/2026

Phòng thi số: 02 (P203)

Ca thi: 13h30-15h30

| STT | SBD | SỐ CCCD      | HỌ VÀ TÊN         |       | NGÀY SINH  | GT  | MÃ ĐỀ | KÝ NỘP |
|-----|-----|--------------|-------------------|-------|------------|-----|-------|--------|
| 1.  | 27  | 030306010365 | Nguyễn Hoàng Diệu | Hiền  | 30/04/2006 | Nữ  |       |        |
| 2.  | 28  | 030304004136 | Nguyễn Thúy       | Hiền  | 11/03/2004 | Nữ  |       |        |
| 3.  | 29  | 031305006150 | Trần Thị Thu      | Hiền  | 12/6/2005  | Nữ  |       |        |
| 4.  | 30  | 034206009634 | Khương Minh       | Hiền  | 16/09/2006 | Nam |       |        |
| 5.  | 31  | 027206006422 | Nguyễn Chí        | Hiếu  | 18/07/2006 | Nam |       |        |
| 6.  | 32  | 022204005068 | Nguyễn Minh       | Hiếu  | 21/10/2004 | Nam |       |        |
| 7.  | 33  | 031205011493 | Nguyễn Huy        | Hoàng | 27/02/2005 | Nam |       |        |
| 8.  | 34  | 024204000867 | Nguyễn Quốc       | Hùng  | 29/10/2004 | Nam |       |        |
| 9.  | 35  | 022204003574 | Mai Việt          | Huy   | 08/11/2004 | Nam |       |        |
| 10. | 36  | 027206012839 | Nguyễn Đức Anh    | Huy   | 15/06/2006 | Nam |       |        |
| 11. | 37  | 031208019208 | Vũ Quang          | Huy   | 01/01/2008 | Nam |       |        |
| 12. | 38  | 002306000160 | Liều Thu          | Huyền | 21/08/2006 | Nữ  |       |        |
| 13. | 39  | 001206030558 | Nguyễn Văn Lý     | Huỳnh | 15/11/2006 | Nam |       |        |
| 14. | 40  | 031305003731 | Hoàng Thị Bảo     | Khánh | 17/05/2005 | Nữ  |       |        |
| 15. | 41  | 031306012683 | Dương Ngọc Sao    | Khuê  | 03/05/2006 | Nữ  |       |        |
| 16. | 42  | 031205007184 | Bùi Trung         | Kiên  | 13/08/2005 | Nam |       |        |
| 17. | 43  | 031097004693 | Đỗ Đình           | Kiên  | 15/12/1997 | Nam |       |        |
| 18. | 44  | 031208001923 | Hoàng Thanh       | Lâm   | 24/10/2008 | Nam |       |        |
| 19. | 45  | 031206000408 | Nguyễn Thanh      | Lâm   | 07/04/2006 | Nam |       |        |
| 20. | 46  | 010306006634 | Nguyễn Phương     | Linh  | 18/01/2006 | Nữ  |       |        |
| 21. | 47  | 031305008845 | Nguyễn Phương     | Linh  | 08/08/2005 | Nữ  |       |        |
| 22. | 48  | 030306001357 | Nguyễn Thị Hồng   | Linh  | 19/01/2006 | Nữ  |       |        |
| 23. | 49  | 030306016194 | Nguyễn Thị Phương | Linh  | 18/11/2006 | Nữ  |       |        |
| 24. | 50  | 031306002833 | Phạm Phương       | Linh  | 01/11/2006 | Nữ  |       |        |
| 25. | 51  | 031305001460 | Trần Bảo          | Linh  | 10/11/2005 | Nữ  |       |        |
| 26. | 52  | 031303002052 | Nguyễn Phương     | Loan  | 08/12/2003 | Nữ  |       |        |

Danh sách gồm: 26 thí sinh

Số dự thi: .....

Các số báo danh vắng mặt: .....

.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất:

Hải phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai:

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ ba:

TS. Nguyễn Trung Đức

# DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

**Ngày thi: 16/08/2026**

**Phòng thi số: 03 (202)**

**Ca thi: 16h00-18h00**

| STT | SBD | SỐ CCCD      | HỌ VÀ TÊN       |        | NGÀY SINH  | GT  | MÃ ĐỀ | KÝ NỢP |
|-----|-----|--------------|-----------------|--------|------------|-----|-------|--------|
| 1.  | 53  | 031306000563 | Bùi Kiến        | Minh   | 22/03/2006 | Nam |       |        |
| 2.  | 54  | 024206008492 | Dương Gia       | Minh   | 18/09/2006 | Nam |       |        |
| 3.  | 55  | 033206001402 | Nguyễn Đức      | Minh   | 06/06/2006 | Nam |       |        |
| 4.  | 56  | 031205005525 | Nguyễn Đức Nhật | Minh   | 18/10/2005 | Nam |       |        |
| 5.  | 57  | 031203001637 | Đoàn Thành      | Nam    | 15/06/2003 | Nam |       |        |
| 6.  | 58  | 056192009956 | Phạm Thị Phi    | Nga    | 05/09/1992 | Nữ  |       |        |
| 7.  | 59  | 046306004234 | Trần Thị Thiên  | Nga    | 15/01/2006 | Nữ  |       |        |
| 8.  | 60  | 031304010081 | Trần Thị Tuyết  | Nga    | 25/07/2004 | Nữ  |       |        |
| 9.  | 61  | 015306000516 | Nguyễn Thị Bích | Ngà    | 02/01/2006 | Nữ  |       |        |
| 10. | 62  | 031308005426 | Phạm Bảo        | Ngọc   | 26/06/2008 | Nữ  |       |        |
| 11. | 63  | 031305013711 | Tô Minh         | Ngọc   | 11/01/2005 | Nữ  |       |        |
| 12. | 64  | 042206001400 | Võ Đức          | Nhân   | 16/12/2006 | Nam |       |        |
| 13. | 65  | 022306012923 | Lê Phương       | Nhung  | 27/05/2006 | Nữ  |       |        |
| 14. | 66  | 031183002836 | Phạm Thị        | Oanh   | 29/8/1983  | Nữ  |       |        |
| 15. | 67  | 001206084431 | Tạ Nhất         | Phi    | 26/04/2006 | Nam |       |        |
| 16. | 68  | 031178012031 | Nguyễn Thị Thu  | Phương | 24/06/1978 | Nữ  |       |        |
| 17. | 69  | 031200009850 | Nguyễn Văn      | Phương | 03/03/2000 | Nam |       |        |
| 18. | 70  | 031205007031 | Đỗ Minh         | Quang  | 23/3/2005  | Nam |       |        |
| 19. | 71  | 031092000415 | Nguyễn Công     | Quang  | 21/08/1992 | Nam |       |        |
| 20. | 72  | 031186007426 | Nguyễn Thị      | Quỳnh  | 20/12/1986 | Nữ  |       |        |
| 21. | 73  | 015306001334 | Vũ Thị Diễm     | Quỳnh  | 08/03/2006 | Nữ  |       |        |
| 22. | 74  | 040203026806 | Lê Văn          | Sánh   | 19/02/2003 | Nam |       |        |
| 23. | 75  | 031206006749 | Phạm Thái       | Son    | 29/10/2006 | Nam |       |        |
| 24. | 76  | 030206004213 | Trịnh Danh      | Tài    | 18/07/2006 | Nam |       |        |
| 25. | 77  | 026079004831 | Lê Bảo          | Thắng  | 01/03/1979 | Nam |       |        |

Danh sách gồm: 25 thí sinh

Số dư thi: .....

Các số báo danh vắng mặt: .....

Hải phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2026

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất:

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai:

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ ba:

**TS. Nguyễn Trung Đức**

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHỨNG CHỈ  
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày thi: 16/08/2026

Phòng thi số: 04 (P203)

Ca thi: 16h00-18h00

| STT | SBD | SỐ CCCD      | HỌ VÀ TÊN             |       | NGÀY SINH  | GT  | MÃ ĐỀ | KÝ NỘP |
|-----|-----|--------------|-----------------------|-------|------------|-----|-------|--------|
| 1.  | 78  | 031203011982 | Vũ Đức                | Thắng | 06/12/2003 | Nam |       |        |
| 2.  | 79  | 022206005385 | Đỗ Đức                | Thành | 18/11/2006 | Nam |       |        |
| 3.  | 80  | 031191010894 | Bùi Phương            | Thảo  | 20/08/1991 | Nữ  |       |        |
| 4.  | 81  | 031306004330 | Nguyễn Khánh          | Thảo  | 22/03/2006 | Nữ  |       |        |
| 5.  | 82  | 031301008482 | Nguyễn Ngọc Thu       | Thảo  | 01/11/2001 | Nữ  |       |        |
| 6.  | 83  | 034305015026 | Phạm Anh              | Thư   | 14/09/2005 | Nữ  |       |        |
| 7.  | 84  | 031087008401 | Phạm Việt             | Tiếp  | 12/05/1987 | Nam |       |        |
| 8.  | 85  | 004306005214 | Dương Thị Hiền        | Trang | 08/08/2006 | Nữ  |       |        |
| 9.  | 86  | 031306007790 | Hoa Thu               | Trang | 27/10/2006 | Nữ  |       |        |
| 10. | 87  | 022306012055 | Nguyễn Quỳnh          | Trang | 01/10/2006 | Nữ  |       |        |
| 11. | 88  | 031306001442 | Nguyễn Thị Mai        | Trang | 30/10/2006 | Nữ  |       |        |
| 12. | 89  | 031305000425 | Nguyễn Thị Thùy       | Trang | 02/09/2005 | Nữ  |       |        |
| 13. | 90  | 054305000016 | Cao Phạm Thanh        | Trúc  | 14/09/2005 | Nữ  |       |        |
| 14. | 91  | 008201007346 | Phạm Đình             | Tùng  | 31/01/2001 | Nam |       |        |
| 15. | 92  | 031074015313 | Bùi Văn               | Uý    | 26/01/1974 | Nam |       |        |
| 16. | 93  | 031302001217 | Nguyễn Thu            | Uyên  | 31/03/2002 | Nam |       |        |
| 17. | 94  | 031183021988 | Nguyễn Thị            | Vân   | 29/11/1983 | Nữ  |       |        |
| 18. | 95  | 031181019242 | Nguyễn Thị Thanh      | Vân   | 21/11/1981 | Nữ  |       |        |
| 19. | 96  | 022206008590 | Nguyễn Thiện<br>Thành | Việt  | 21/10/2006 | Nam |       |        |
| 20. | 97  | 025204002467 | Nguyễn Thế            | Vinh  | 13/04/2004 | Nam |       |        |
| 21. | 98  | 031203005363 | Trần Long             | Vũ    | 11/11/2003 | Nam |       |        |
| 22. | 99  | 033306003887 | Hoàng Phương          | Vy    | 30/12/2006 | Nam |       |        |
| 23. | 100 | 031181002622 | Dương Thị             | Yến   | 07/10/1981 | Nữ  |       |        |
| 24. | 101 | 031185019399 | Ngô Thị Hải           | Yến   | 19/11/1985 | Nữ  |       |        |

Danh sách gồm: 24 thí sinh

Số dự thi: .....

Các số báo danh vắng mặt: .....

.....

Hải phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2026

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai:

TS. Nguyễn Trung Đức

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ ba: